



# VÀI SUY NGHĨ VỀ

## “CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA PHỔ THÔNG SAU 2015”

**GS.TS. NGUYỄN ĐỨC CHÍNH**

Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc Gia Hà Nội

### 1. Đào tạo thế hệ trẻ để sống và làm việc trong một thế giới luôn thay đổi

Trong một thế giới phẳng, mọi đường biên giới về kinh tế, văn hóa, xã hội, v.v... trở nên mong manh trước sự tiến bộ vượt bậc của công nghệ thông tin và truyền thông, đồng thời làm tăng vọt nhu cầu trao đổi thông tin giữa các tổ chức và cá nhân, biến nó thành một thứ vừa rất dễ vừa rất khó khai thác. Rất dễ vì có thể tiếp cận trực tiếp thông tin mọi lúc, mọi nơi. Rất khó vì quá nhiều nguồn thông tin, và không phải lúc nào cũng là thông tin tin cậy. Toàn cầu hóa đặt ra cho nhà trường nhiệm vụ phải đào tạo lớp người có khả năng sống, làm việc, mưu cầu hạnh phúc trong một thế giới luôn thay đổi. Giáo viên phổ thông là người có vị thế quan sát một cách rõ ràng nhất những tác động của nhà trường tới thế hệ trẻ.

Ở trường trung học (bao gồm THCS và THPT), học sinh là những em ở tuổi vị thành niên, lứa tuổi này đặt ra những thách thức không nhỏ cho cả học sinh và các nhà giáo dục. Vì thành niên với những thay đổi chưa định hình trong tính cách, là giai đoạn học sinh đang đánh giá lại mọi ý tưởng, niềm tin, hệ giá trị. Sự phát triển trong đời sống tình cảm cũng như sinh lí đòi hỏi có những nỗ lực đặc biệt của nhà trường. Ở trường trung học, được tiếp xúc với các bạn cùng trang lứa song đa dạng hơn rất nhiều so với các cấp học trước, học sinh dường như bắt đầu thiết lập những mối quan hệ xã hội mới. Giai đoạn này cũng tác động tới nhiều lựa chọn của học sinh trên cơ sở những quan hệ xã hội mới được thiết lập. Trường trung học tiếp nhận những học sinh đang chuyển từ tuổi thiếu niên, vẫn còn đang đầy ắp những kỉ niệm từ cấp học dưới. Các em mang theo những kiến thức, kỹ năng, hành vi từ cấp học dưới lên cấp học cao hơn. Và cũng chính vì vậy, các em rất cần sự giúp đỡ, hướng dẫn trong quá trình hình thành tính cách, nhân cách, để có thể vượt qua tuổi niên thiếu, bước vào thế giới của những người trưởng thành.

### 2. Học sinh phổ thông – những công dân toàn cầu trong tương lai không xa

Một xã hội dựa trên tri thức đòi hỏi trình độ và chất lượng giáo dục ngày càng cao. Nhà trường trung học Việt Nam có trách nhiệm đảm bảo cho mọi công dân được trang bị những kiến thức đủ để tìm cho mình một vị trí phù hợp trong công việc, trong gia đình và cộng đồng. Để đạt được mục tiêu này, nhà

trường, từng giáo viên phải nhận biết đặc điểm của từng học sinh trong tập thể học sinh ngày càng đa dạng, giúp các em theo những lộ trình khác nhau tiến tới thành công trong học tập. Tất cả học sinh học xong trung học cần có tấm bằng tốt nghiệp, được xem như tờ giấy thông hành để bước vào cuộc sống của người trưởng thành. Các em có thể học tiếp ở bậc đại học hoặc tham gia vào cuộc sống lao động. Do vậy, điều tất yếu là trường trung học phải hướng dẫn, hỗ trợ để mỗi em có thể có những lựa chọn phù hợp với hứng thú và năng lực của bản thân.

Hơn nữa, để các em được trang bị nền học vấn cơ bản, nhà trường, từng giáo viên phải giúp các em có khả năng tiếp tục học tập suốt đời. Và điều quan trọng là nhà trường và toàn xã hội tạo điều kiện cho các em có thể học tập, tiến bộ theo các bậc của hệ thống giáo dục quốc dân, động viên các em quay lại trường học hoặc tới các cơ sở giáo dục, đào tạo khác nhau khi có đủ điều kiện. Trong bối cảnh đó, kết quả học tập, những năng lực có trước của các em phải được thừa nhận một cách chính thức và phải là bộ phận cấu thành của chính sách khuyến khích học tập và phải được tính vào thành tích học tập của mỗi cá nhân.

Để thực hiện được những nhiệm vụ đó, người công dân toàn cầu tương lai cần những phẩm chất, năng lực gì.

**2.1. Những công dân toàn cầu có tầm nhìn hướng ra thế giới, có bản lĩnh và hoài bão.** Đó là những năng lực chủ đạo mà chương trình giáo dục phổ thông của Việt Nam trong thế kỷ XXI cần hướng tới. Những năng lực gốc này định hướng chung cho toàn bộ hoạt động của nhà trường, chỉ rõ nhiệm vụ của chương trình đào tạo không chỉ cung cấp cho học sinh những kiến thức phổ thông mà còn rèn luyện họ trở thành những người có tầm nhìn rộng, có bản lĩnh và hoài bão vươn lên trong nghề nghiệp và trong cuộc sống, đóng góp công sức cho xã hội sau này.

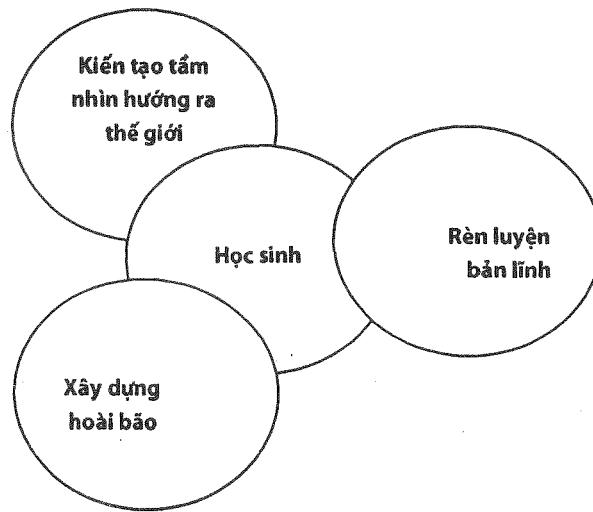
Ba năng lực gốc này là kim chỉ nam cho việc phát triển chương trình giáo dục phổ thông, chỉ rõ những lĩnh vực kiến thức, kỹ năng được tích lũy trong trường. Những năng lực gốc đó sẽ quy định việc thiết kế các lĩnh vực cần đạt trong suốt quá trình học tập và các lĩnh vực liên quan tới năng lực nhận thức của học sinh. Tất cả những lĩnh vực này tạo thành khung chương trình giáo dục phổ thông cho thế kỷ 21 của Việt Nam.



### 2.1.1. Kiến tạo tầm nhìn hướng ra thế giới cho học sinh

Sống, làm việc trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập, người học sinh không thể hạn chế tầm nhìn của mình trong phạm vi làng, xã, thành phố hay thậm chí đất nước. Tuy nhiên, tầm nhìn hướng ra thế giới lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Thoạt đầu, di sản văn hóa, truyền thống gia đình có tác động nhiều tới tầm nhìn ra thế giới của mỗi người. Nhưng điều đó không có nghĩa là trong quá trình học tập tại trường, những kiến thức, kinh nghiệm có trước quy định thế giới quan của mỗi học sinh. Chương trình giáo dục phải có tác động căn bản tới tầm nhìn của họ, bởi lẽ, quá trình học tập trong trường trung học phổ thông (THPT) diễn ra ở giai đoạn người học sinh đã ở tuổi trưởng thành, sẵn sàng tiếp nhận những tác động từ nhiều phía.

Được tiếp cận với các nguồn kiến thức, văn hóa, văn minh đa dạng trong trường phổ thông, học sinh tự kiến tạo nền tảng để xây dựng thế giới quan cho riêng mình. Và cũng chính vì vậy, chương trình giáo dục sẽ được cấu thành bằng con đường tích hợp các nguồn kiến thức phổ thông căn bản với các nguồn kiến thức liên quan tới người công dân của kỉ nguyên công nghệ thông tin, toàn cầu hóa và hội nhập. Học sinh sẽ tự làm phong phú thế giới quan của mình bằng cách nhìn nhận một cách có phê phán vào chính bản thân, vào hành động, hệ giá trị của bản thân và từ đó hình thành một tầm nhìn hướng ra thế giới của mỗi người.



Hình 1: Ba năng lực gốc của HS thế kỉ XXI

### 2.1.2. Xây dựng hoài bão

Trong một thế giới luôn biến động, hoài bão vươn lên trong mỗi hoàn cảnh của cuộc sống lao động, của mỗi người, là một phẩm chất không thể thiếu.

Làm thế nào một chương trình giáo dục, ngoài việc cung cấp cho học sinh những kiến thức, kỹ năng

để học cao hơn hoặc đi vào cuộc sống lao động, có thể hình thành ở các em khát vọng và kế hoạch vươn tới sự hoàn thiện bản thân? Hơn nữa, không có môn học nào chuyên để rèn luyện năng lực này trong những năm học tập trong trường. Điều này có thể đạt được ít nhất bằng 2 con đường.

Một là, chương trình giáo dục, các môn học phải đặt ra những thách thức mà học sinh phải liên tục nỗ lực phấn đấu để vượt qua. Để làm việc này, các môn học phải được tổ chức thiết kế và thực thi sao cho có thể cung cấp cho học sinh cách học, cách giải quyết vấn đề, cách khai thác thông tin từ những nguồn khác nhau, kỹ thuật xử lý thông tin, từ đó kiến tạo kiến thức mới cho bản thân hoặc giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. Qua đó, học sinh cảm thấy tự tin vào bản thân, có động lực tìm tòi các vấn đề mới.

Hai là, phải mở cửa nhà trường phổ thông ra xã hội, lấy những vấn đề phức tạp và đa dạng của xã hội làm bối cảnh dạy học. Trong bối cảnh đó, học sinh luôn đứng trước các vấn đề khác nhau của cuộc sống, kích thích, tạo động lực để họ nghiên cứu, giải quyết. Từ đó, ý chí vươn lên, hoài bão sẽ được hình thành.

### 2.1.3. Rèn luyện bản lĩnh

Bản lĩnh được hiểu là khả năng và ý chí kiên định, sự ứng xử phù hợp trong bối cảnh phức tạp của các vấn đề đang diễn ra trong cuộc sống lao động, hoặc khi đối mặt với các vấn đề đạo đức cũng như phẩm chất con người. Bản lĩnh của người học sinh sẽ vững vàng hơn, nếu được hỗ trợ bởi tầm nhìn ra thế giới và hoài bão vươn lên trong mọi tình huống. Hơn nữa, học sinh vẫn phải kiên trì nỗ lực học tập để có thể huy động, tích hợp, sử dụng có hiệu quả kiến thức ở các nguồn khác nhau để giải quyết vấn đề hay có cách ứng xử phù hợp.

Khả năng giải quyết vấn đề, đáp ứng có hiệu quả các tình huống phức tạp đòi hỏi học sinh biết huy động, tổ hợp kiến thức từ các môn học khác nhau, từ kinh nghiệm sống, sử dụng chúng như công cụ để tự duy và để hành động trong bối cảnh thực. Khái niệm bản lĩnh của học sinh hàm chứa trong khái niệm năng lực (thực hiện), khái niệm nền tảng của chương trình giáo dục phổ thông cho thế kỉ 21.

Ở đây năng lực có thể được định nghĩa là khả năng hành động một cách hiệu quả nhờ việc huy động kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau. Điều này có nghĩa là học sinh có thể sử dụng một cách hợp lý, dễ dàng những gì họ có, bao gồm những kiến thức, kỹ năng học được trong trường, cũng như kinh nghiệm, kỹ năng từ các nguồn khác nhau: bạn bè, chuyên gia, thầy giáo...

*Ngôn ngữ - Sức mạnh nội tại của 3 phẩm chất - Tâm nhìn hướng ra thế giới, hoài bão, bản lĩnh. Ba phẩm*



chất nền tảng của người giáo viên thế kỷ 21 chỉ có thể hình thành được trên cơ sở công cụ then chốt là ngôn ngữ và văn hóa.

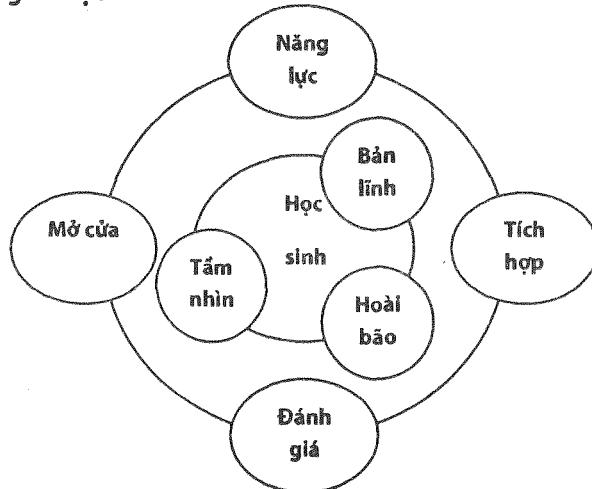
#### **Ngôn ngữ - công cụ của tư duy:**

Ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành ý tưởng, khái niệm, tiếp thu kiến thức. Là công cụ duy nhất giúp con người tổ chức và diễn đạt ý nghĩa, tư tưởng của mình, đóng vai trò then chốt trong việc hình thành thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của người sinh viên.

Ngôn ngữ còn là công cụ để học sinh diễn tả ý tưởng của mình, tác động tới người khác. Trong xã hội dân chủ, diễn tả được ý tưởng là hành động cần làm của một công dân, đóng góp xây dựng cộng đồng. Ngôn ngữ của học sinh lại càng quan trọng vì nó là công cụ để chuyển tải thông tin tới bạn bè, thầy cô, để thuyết phục, thu hút sự chú ý để động viên, kích thích, hỗ trợ nhau trong học tập.

Văn hoá là nội hàm và phương thức giao tiếp. Nếu ngôn ngữ là công cụ để giao tiếp, thì văn hoá chính là nội dung để giao tiếp, là cách thức giao tiếp để đạt mục đích giao tiếp hiệu quả nhất. Hiểu theo nghĩa rộng, văn hoá là thành quả lao động sáng tạo của loài người từ quá khứ tới hiện tại, là di sản tập thể trong tất cả các lĩnh vực: khoa học, đạo đức, chính trị, xã hội, v.v... Trong những thập kỷ đầu của thế kỷ 21, loài người đạt được những thành tựu to lớn chưa từng thấy trong các lĩnh vực khoa học, nghệ thuật, chính trị, v.v... và không thể giới thiệu hết cho học sinh. Trong bối cảnh đó, nhà trường phải rèn luyện cho học sinh một thái độ cởi mở, trân trọng các nền văn hoá khác nhau thông qua chương trình giáo dục, cũng như qua từng môn học.

#### **2.2. Những định hướng chính cho chương trình giáo dục**



Hình 2: *Những định hướng chính cho chương trình giáo dục*

Ba năng lực cơ bản của người công dân thế kỷ 21

(tầm nhìn hướng ra thế giới, hoài bão, bản lĩnh) là cơ sở để xác định 4 định hướng cho chương trình giáo dục phổ thông thế kỷ 21:

- Giáo dục tập trung phát triển năng lực;
- Học tập tích hợp;
- Mở cửa trường phổ thông ra xã hội;
- Đánh giá thúc đẩy quá trình học tập.

##### **2.2.1. Giáo dục tập trung phát triển năng lực**

Giáo dục dựa trên việc chuyển giao kiến thức không phải là con đường tạo ra bản lĩnh của người học sinh và càng không phải là con đường tạo ra bản lĩnh của từng học sinh vốn rất khác nhau. Năng lực được hiểu là tổ hợp các hoạt động dựa trên sự huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn tri thức khác nhau để giải quyết vấn đề hay có cách ứng xử phù hợp trong bối cảnh phức tạp của cuộc sống luôn thay đổi.

Điều này có nghĩa là học sinh phải có khả năng sử dụng kiến thức của bản thân vừa để giải quyết vấn đề, vừa làm công cụ để tư duy, tìm tòi, sáng tạo trong suốt quá trình học trong trường cũng như trong cuộc sống lao động sau này. Năng lực chỉ được phát triển bằng cách tạo động lực để học sinh nhìn nhận mọi vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau và tập trung học cách tư duy để từ đó hình thành bản lĩnh người công dân tương lai.

##### *a. Chương trình lấy việc học làm gốc, lấy người học làm chủ thể của quá trình giáo dục*

Để thực hiện việc rèn luyện năng lực, chương trình được đặt trên nền tảng của một nguyên lý là kiến thức phải được học sinh tự kiến tạo, chứ không phải qua con đường chuyển giao, truyền đạt từ giáo viên. Một lẽ rất tự nhiên là không ai học hộ được người khác. Hơn nữa, mọi lý luận dạy học đều thừa nhận một chân lý là người học chính là kiến trúc sư của kiến thức và năng lực của chính mình.

Điểm then chốt của đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục nước ta, quyết định sự thành bại của công cuộc đổi mới là chương trình giáo dục phải lấy người học làm gốc, lấy sự học là điểm xuất phát của mọi quyết định. Mỗi học sinh đều có thể được học những gì mình quyết định. Mỗi học sinh đều có thể được học những gì mình muốn, theo cách mình lựa chọn, theo một lộ trình và tùy theo đặc trưng tâm, sinh lý, hoàn cảnh sống của từng người dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

Cách thiết kế chương trình giáo dục nói chung, các môn học nói riêng, cách tổ chức thực hiện chương trình, phương pháp dạy học môn học, cách kiểm tra - đánh giá... phải tuân thủ nguyên lý này thì mới có thể tạo ra lớp người có năng lực thực sự, có bản sắc riêng, có hoài bão, có tầm nhìn hướng ra thế giới, làm cơ sở để đào tạo nguồn nhân lực có sức cạnh tranh cao, phục vụ cho CNH-HĐH.



### b. Kiến thức và năng lực bổ sung cho nhau

Kiến thức là cơ sở để hình thành năng lực, những loại kiến thức khác nhau, tạo nguồn để học sinh có được các giải pháp tối ưu hoặc có cách ứng xử phù hợp trong bối cảnh phức tạp. Khả năng đáp ứng phù hợp là đặc trưng của năng lực, tuy nhiên, khả năng đó lại được dựa trên sự đồng hóa và sử dụng có cân nhắc các kiến thức, kỹ năng cần thiết trong từng hoàn cảnh cụ thể.

Vậy là những kiến thức có ích để rèn luyện năng lực chỉ là những kiến thức mà người học sinh năng động, tự kiến tạo, và phạm vi của năng lực trực tiếp tùy thuộc vào phạm vi và mức độ phù hợp của kiến thức mà học sinh huy động vào giải quyết vấn đề đó.

Sự phát triển năng lực không diễn ra theo tuyến tính, từ đơn giản đến phức tạp, từ bộ phận tới toàn thể. Năng lực được kiến tạo trên cơ sở mức độ phức tạp, đa dạng của vấn đề. Điểm xuất phát để sử dụng và phát triển năng lực là hoàn cảnh thách thức cần vượt qua, còn điểm đến là phương án tối ưu để giải quyết vấn đề hoặc cách ứng xử phù hợp trong tình huống đã cho.

Rèn luyện năng lực được tiến hành theo đường xoắn ốc trong đó các năng lực có trước được sử dụng để kiến tạo kiến thức mới, và đến lượt mình, kiến thức mới lại đặt cơ sở để hình thành những năng lực mới. Như vậy, năng lực chỉ được hình thành khi quá trình dạy học lấy việc học làm gốc.

### c. Chỉ phát triển những vấn đề cốt lõi

Rèn luyện năng lực đòi hỏi phải có đủ thời gian, học sinh phải sử dụng nhiều lần, lặp đi lặp lại mới có thể tăng cường năng lực cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Nếu chương trình tập trung rèn luyện năng lực thì cũng có nghĩa chỉ nên tập trung vào số lượng năng lực chọn lọc và lượng kiến thức tương ứng để học sinh có đủ thời gian rèn luyện, kiến tạo và phát triển những năng lực đó (không dàn trải như trong chương trình giáo dục hiện nay).

Việc lựa chọn cách tiếp cận theo năng lực trong trường phổ thông còn hàm ý trong thời gian học tập tại trường, học sinh phải được rèn luyện, kiến tạo những năng lực cho phép họ tự kiến tạo những kiến thức, kỹ năng mới để thích nghi với môi trường sống luôn thay đổi sau này. Đây chính là lí do để xác định các năng lực xuyên suốt chương trình đào tạo với tư cách là công cụ học tập suốt đời.

### 2.2.2. Học tích hợp

Thế giới hiện đại có đặc trưng là sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng trong tất cả các lĩnh vực khoa học và đời sống. Do vậy, mức độ năng lực cần thiết để thích ứng với thực tế đó cũng ngày càng tăng. Và dĩ nhiên là những kiến thức đơn lẻ được truyền đạt từ giáo viên không còn phù hợp nữa.

Phải học tích hợp, học phương pháp luận, học cách kiến tạo kiến thức để rèn luyện khả năng kết hợp các nguồn kiến thức khác nhau, học sinh mới có khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp trong cuộc sống lao động sau này.

### 2.2.3. Mở cửa trường phổ thông ra thế giới bên ngoài

Nhà trường phổ thông không phải là đích đến, mà chỉ là nơi chuẩn bị cho học sinh sẵn sàng bước vào cuộc sống lao động hoặc học cao hơn.

Mở cửa trường phổ thông cũng là cách tốt nhất để học sinh có cơ hội vận dụng kiến thức, kỹ năng học được trong trường vào giải quyết các vấn đề khác nhau đang diễn ra trong xã hội. Đây cũng là phương thức đào tạo tốt nhất để học sinh sau khi tốt nghiệp tự tin, bắt tay ngay vào lao động hoặc học cao hơn.

### 2.2.4. Đánh giá thúc đẩy quá trình học

Đánh giá không phải là mục đích tự thân. Học sinh học không phải để được đánh giá, nhưng họ được đánh giá để học tốt hơn, tiến bộ nhanh hơn.

#### a. Đánh giá là công cụ để học tập

Một điều quan trọng cần nhận thức đúng là đánh giá trên hết là công cụ giúp học sinh học tốt và giúp giáo viên hướng dẫn học sinh trong suốt quá trình học tập, tạo động lực cho các em tiến bộ không ngừng trong suốt quá trình học môn học.

#### b. Kiểm tra, đánh giá phải được tích hợp vào quá trình dạy học để giúp học sinh có động lực học tập và không ngừng tiến bộ trong quá trình học tập

Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học được xem là quá trình thu thập, chỉnh lý, xử lý thông tin một cách hệ thống những kết quả học tập ở các giai đoạn khác nhau đối chiếu với mục tiêu dạy học ở từng giai đoạn, và cuối cùng đối chiếu với chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục để đánh giá sự tiến bộ của người học trong từng giai đoạn, đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học, và cuối cùng là đánh giá chất lượng của quá trình đào tạo (với cách hiểu chất lượng là sự trùng khớp với mục tiêu).

Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học là một trong những khâu quan trọng nhất của quá trình dạy học. Kiểm tra, đánh giá định hướng cho toàn bộ quá trình dạy học, tạo động lực cho người học, giúp họ tiến bộ không ngừng. Kiểm tra, đánh giá còn cung cấp thông tin phản hồi hữu ích cho giáo viên, nhà quản lý, giúp điều chỉnh quá trình dạy học và quản lý để cùng đạt mục tiêu dạy học ngày càng cao.

Trong giáo dục nói chung, kiểm tra, đánh giá đang có những bước phát triển mới:

- Chuyển từ tập trung kiểm tra, đánh giá cuối môn học, khóa học sang sử dụng ngày càng nhiều các hình thức kiểm tra, đánh giá định kì sau từng phần, từng chương;

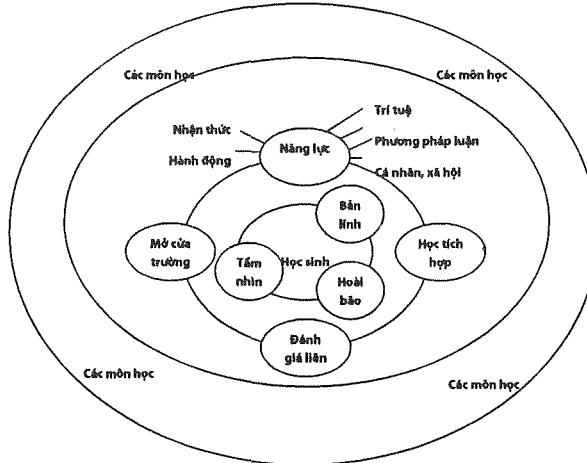
- Chuyển từ kiểm tra, đánh giá kiến thức, sang kiểm tra, đánh giá năng lực của người học (authentic assessment);

- Chuyển từ kiểm tra, đánh giá một chiều, sang kiểm tra, đánh giá đa chiều (tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau);

- Chuyển kiểm tra, đánh giá từ một hoạt động độc lập với quá trình dạy học sang việc tích hợp kiểm tra, đánh giá vào quá trình dạy học, xem kiểm tra đánh giá là một phương pháp dạy học;

- Sử dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá.

### 3. Khung chương trình giáo dục phổ thông sau 2015



Hình 3: Mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông

#### Mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông

<u>Những năng lực xuyên suốt chương trình giáo dục</u>	<u>Năng lực nhận thức liên quan đến các môn học</u>
<b>1. Năng lực trí tuệ</b> - Khai thác, sử dụng thông tin; - Giải quyết vấn đề; - Tư tưởng phê phán.	- Các môn học ở phổ thông được tổ chức theo nguyên tắc: chọn lọc, tích hợp, phân hóa.
<b>2. Năng lực phương pháp luận</b> - Tìm kiếm phương pháp làm việc hiệu quả; - Sử dụng CNTT.	
<b>3. Năng lực cá nhân và xã hội</b> - Hợp tác; - Làm việc theo nhóm.	
<b>4. Năng lực giao tiếp</b>	

Như vậy, một khung giáo dục phổ thông đã được hình thành. Từ ba năng lực gốc (tâm nhìn, bản lĩnh, hoài bão) đã hình thành được 4 định hướng

cho chương trình giáo dục. Đó là dạy học hướng vào năng lực, dạy học tích hợp, mở cửa trường phổ thông và đánh giá liên tục trong suốt quá trình học.

Bối cảnh này giúp hình thành 2 nhóm năng lực cần có của một công dân thế kỷ 21: Những năng lực liên quan đến kiến thức phổ thông; nhóm năng lực cần cho tất cả học sinh để có thể phát triển trí tuệ, phương pháp luận, phát triển cá nhân, kĩ năng giao tiếp, truyền thông, và các kĩ năng mềm khác; nhóm năng lực liên quan đến kiến thức phổ thông. Nhóm các năng lực chung cho tất cả học sinh còn được gọi là các năng lực xuyên suốt chương trình giáo dục có đặc trưng chung là được thẩm thấu vào các môn học khác nhau, có phạm vi lớn hơn các môn học và gắn liền với bối cảnh, hình thức tổ chức dạy học, phương pháp dạy học và hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của các môn học khác nhau.

#### Thay lời kết

Trên đây là những nguyên tắc cơ bản có thể tham khảo để phát triển chương trình giáo dục phổ thông, từ khâu thiết kế, tổ chức dạy học, tìm kiếm các phương pháp dạy học và kiểm tra – đánh giá kết quả học tập.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đức Chính, *Quy trình dạy học tiếp cận chuẩn quốc tế* (tài liệu tập huấn cho giáo viên các trường THPT chuyên), NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2008.

2. Jon Wiles – Joseph Bondi, *Xây dựng chương trình học hướng dẫn thực hành*, ĐHSP TP. Hồ Chí Minh (tài liệu lưu hành nội bộ), người dịch: TS. Nguyễn Kim Dung

3. Phạm Văn Lập, *Phát triển chương trình đào tạo*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1998.

4. Lê Đức Ngọc, *Xây dựng chương trình đào tạo và giảng dạy*, Hà Nội, 3/2003.

5. Robert M.Diamond (bản dịch), *Thiết kế và đánh giá chương trình và khóa học*, (tài liệu tham khảo nội bộ).

#### SUMMARY

According to the author, to educate 21st century students to become global citizens, the schools of general education do not only provide them with general education but also train them as persons with a broad vision, bravery and ambition for professional development and personal life. These are three core competences of the 21st century students, based on which the author suggests building the curriculum frame for general education after 2015 including 4 orientations, i.e., competency-based teaching, integrated teaching, opening schools of general education and continuous assessment in the course of learning. These four orientations help formulate 2 requisite groups of competences, that is, the cross-cutting competences group in curriculum and the cognitive competences group related to specific subject matters.